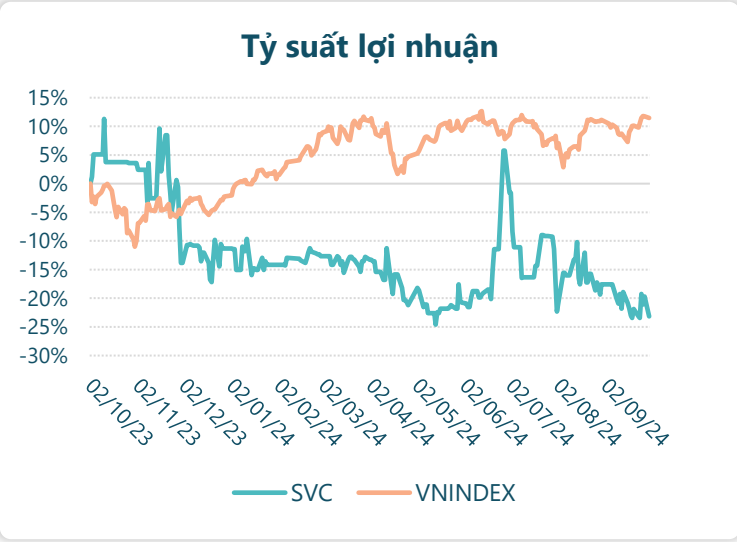


Ngày	24,600 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.8%	-16.1%	-11.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	24,135 - 35,624
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,639
Số lượng CPLH (CP)	66,620,064
KLGD BQ 20 phiên (CP)	865
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	0.08
EPS	951
P/E	25.9



Doanh thu thuần
Q3/24

6,776

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,383 | 25.7%

YoY: ▲ 1,745 | 34.7%

Nợ/VCSH
Q3/24

233%

YoY: +/-▲ 47.1%

LN gộp
Q3/24

453

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 58.0 | 14.8%

YoY: ▲ 99.0 | 28.1%

ROE (TTM)
Q3/24

2.6%

YoY: +/-▲ 0.3%

LN trước thuế
Q3/24

38.3

tỷ VNĐ

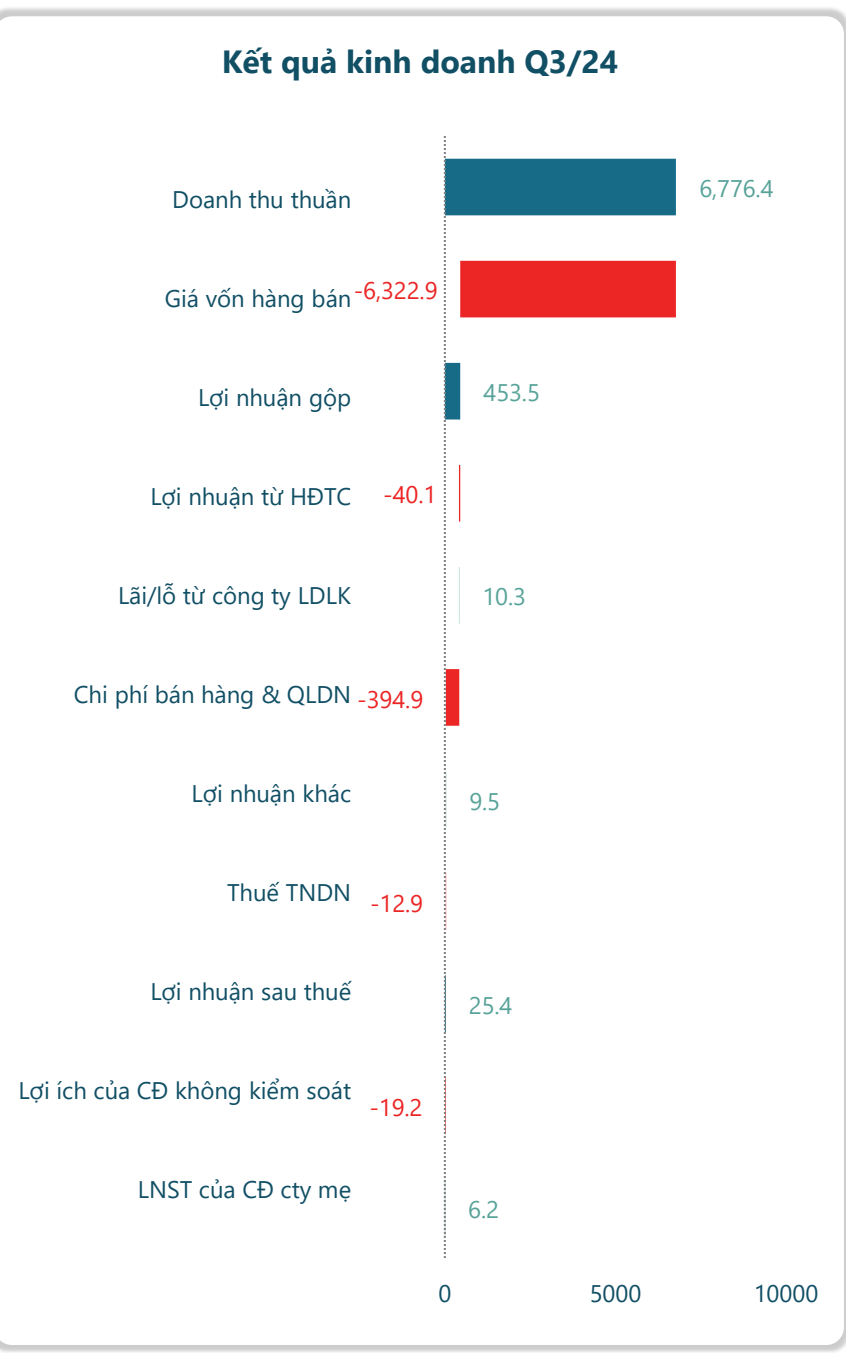
QoQ: ▼51.6 | -57.4%

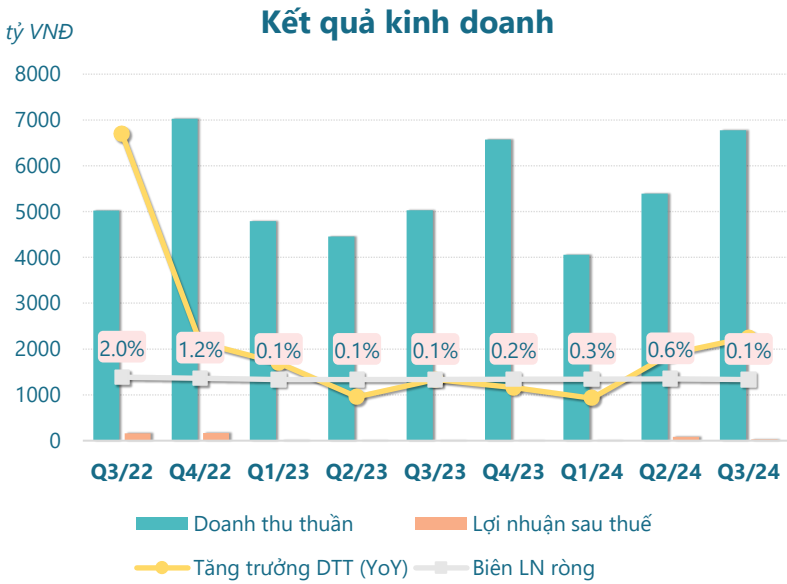
YoY: ▲ 31.3 | 446%

ROA (TTM)
Q3/24

0.8%

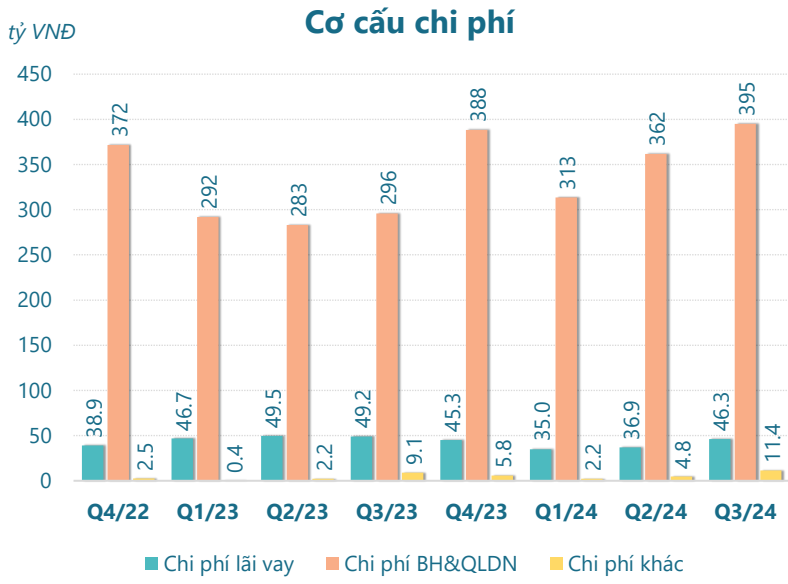
YoY: +/-▲ 0.0%





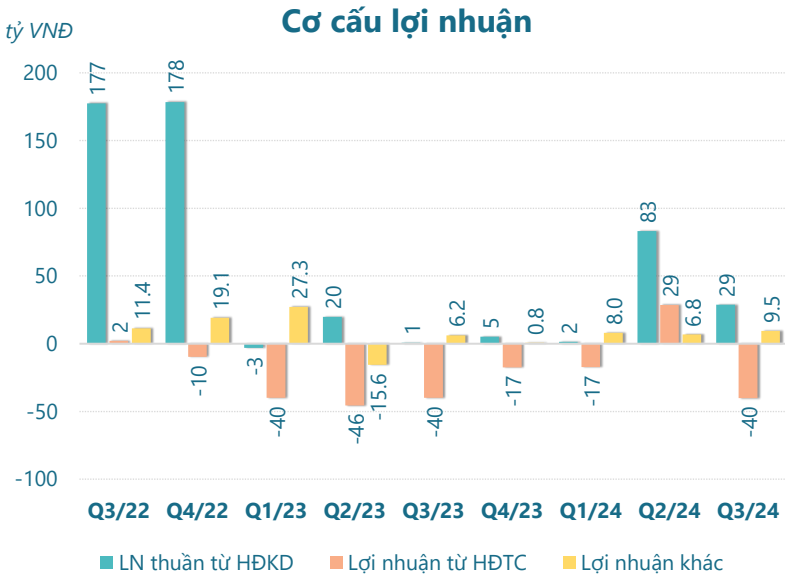
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 28.78 tỷ đồng**, giảm đi 65.4% so với kỳ trước và cao hơn 3687% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 40.06 tỷ đồng** giảm đi 240% so với kỳ trước và giảm đi 0.20 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 9.51 tỷ đồng**, tăng thêm 39.2% so với kỳ trước và cao hơn 52.4% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SVC** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **6,776 tỷ đồng** tăng thêm **34.7%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 25.43 tỷ đồng, tăng trưởng 195%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **16,229 tỷ đồng** cao hơn 13.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 120.0 tỷ đồng** cao hơn 264% so với cùng kỳ năm trước.



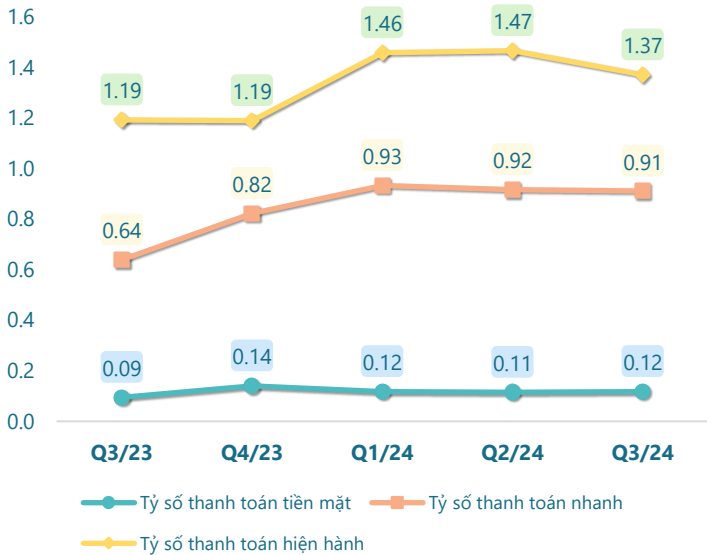
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **46.28 tỷ đồng** tăng thêm 25.4% so với kỳ trước và thấp hơn 5.84% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **394.9 tỷ đồng** tăng thêm 9.16% so với kỳ trước và cao hơn 33.4% so với cùng kỳ năm trước.

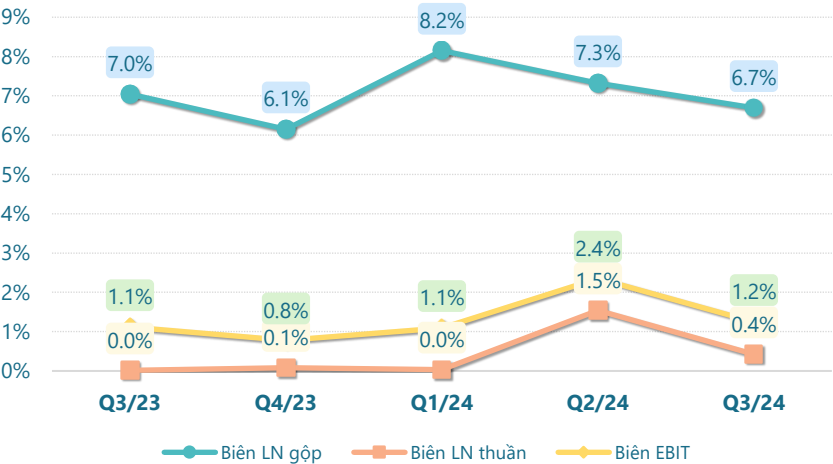
Chi phí khác bằng **11.40 tỷ đồng** tăng thêm 139% so với kỳ trước và cao hơn 25.1% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	6,776	5,393	25.7%	5,031	34.7%	16,229	14,277	13.7%
Giá vốn hàng bán	6,323	4,998	26.5%	4,676	35.2%	15,050	13,255	13.5%
Lợi nhuận gộp	453	395	14.8%	354	28.1%	1,179	1,022	15.4%
Doanh thu HĐTC	20.3	80.4	-74.8%	9.40	116%	120	21.4	460%
Chi phí TC	60.4	51.7	16.8%	49.3	22.4%	149	147	1.3%
Chi phí lãi vay	46.3	36.9	25.4%	49.2	-5.9%	118	145	-18.7%
LN trong công ty LKLD	10.3	21.5	-52.2%	-17.7	158%	33.1	-8.40	494%
Chi phí bán hàng	240	212	13.4%	181	32.8%	646	519	24.5%
Chi phí QLDN	155	150	3.0%	115	34.4%	424	352	20.5%
LN thuần từ HĐKD	28.8	83.1	-65.4%	0.76	3687%	113	17.7	541%
Lợi nhuận khác	9.51	6.83	39.2%	6.24	52.4%	24.3	17.9	35.6%
LN trước thuế	38.3	89.9	-57.4%	7.01	446%	138	35.6	287%
Lợi nhuận sau thuế	25.4	86.3	-70.5%	8.61	195%	120	33.5	259%
LNST của CĐ cty mẹ	6.18	31.9	-80.6%	2.84	118%	51.8	11.5	352%

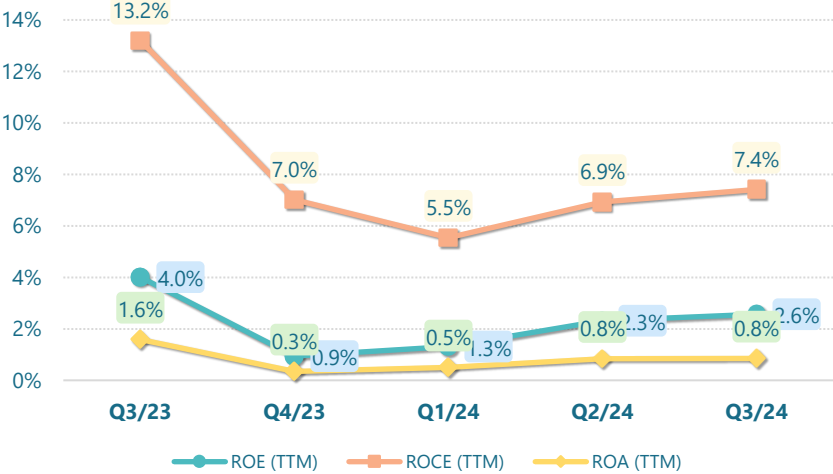
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

